TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HN-ST
Ngày: 11-7-2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Nhân Nghĩa
2. Ông Ngô Văn Bình

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Th có mặt. Anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2016. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị và anh C đã cố gắng vun đắp và hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không cải thiện được. Chị bị anh C hành hung, đánh đập nhiều lần, tháng 12/2018 chị dẫn con đi khỏi nhà, vợ chồng không

còn sống chung cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên xin ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Nguyễn Kim C, sinh ngày 15/9/2016, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập nhiều lần, không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th; Con chung: Nguyễn Kim C, sinh ngày 15/9/2016, để chị Th trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Chị Th trình bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Th là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn C là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, thấy rằng:

Chị Th cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần tranh cãi, anh C nhiều lần đánh chị, đã không còn sống chung từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay xác định không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th và anh C đăng ký thường trú, cho biết thông tin: Chị Th và anh C có sống chung và có đăng ký kết hôn. Qua họp tổ tại địa phương không thấy đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Qua thông tin địa phương cho biết, anh C làm nghề lao động phổ thông,

nghe thông tin vợ chồng có gây cãi, anh C có đánh chị Th, có báo Tổ nhân dân tự quản theo dõi.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh C lúc đầu không lớn, tuy nhiên cả hai đã không tìm được cách hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Khi Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm mục đích tạo điều kiện cho anh chị gặp gỡ, bàn bạc tìm cách khắc phục mâu thuẫn, mặc dù nhiều lần nhận được thông báo của Tòa nhưng anh C không đến nên không thực hiện hòa giải được, điều đó chứng minh ý muốn hòa giải đoàn tụ của anh C là không có. Nay chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Nguyễn Kim C, sinh ngày 15/9/2016, khi ly hôn chị Th xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện nay cháu Cương đang sống chung với chị Th, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu lại là con gái do đó để chị Th trực tiếp nuôi con. Chị Th không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu, anh C vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Th trình bày không có, anh C vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị Th chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Nguyễn Kim C, sinh ngày 15/9/2016, khi ly hôn chị Th được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu, anh C vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Th trình bày không có, anh C vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Thị Th phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021924 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng